

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2022/DS-PT**

Ngày: 18-01-2022

V/v “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Viết Phong

***Các Thẩm phán:*** Ông Bùi Thanh Thảo

Ông Phạm Tiến Hiệp

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Thế Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 78/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 109/2021/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Dương Minh P**, sinh năm 1972

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 5, Khu phố P, phường A, Thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Nơi đăng ký tạm trú: ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Có đơn xin xử vắng mặt)

- Bà **Tông Thị Đ**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 5, Khu phố P, phường A, Thị xã B, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Anh D**, sinh năm 1960

Nơi đăng ký HKTT: Tập thể Công ty công trình giao thông 124 – xã N, huyện T, TP. Hà Nội.

Nơi đăng ký tạm trú: ấp Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 86, Tổ 4, ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư **Trần Hữu T**, Luật sư **Nguyễn Thanh H** – Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh (Luật sư Tuấn vắng mặt, Luật sư Hải có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Nơi làm việc: Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên B – Địa chỉ: Số 213 (Tầng 3) C, Phường 26, quận B, TP. Hồ Chí Minh

*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Anh D.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Dương Minh P và bà Tống Thị Đ thống nhất trình bày:*

Ngày 16/12/2019, ông bà có ký kết hợp đồng mua bán tài sản gắn liền trên đất với ông Nguyễn Đình Q và bà Hoàng Kiều X. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng thì ông bà mua tài sản của ông Q, bà X là toàn bộ cây cao su trên diện tích đất 73.550m<sup>2</sup> tọa lạc tại Khoảnh 2 – Tiểu khu 223. Trên cơ sở hợp đồng mua bán tài sản, ngày 28/02/2020, Ban quản lý rừng phòng hộ T đã ký hợp đồng giao khoán 73.550m<sup>2</sup> đất cho ông P được sử dụng vào mục đích khoán (chăm sóc, quản lý và bảo vệ cây trồng). Sau khi ký kết hợp đồng mua bán tài sản gắn liền trên đất với ông Nguyễn Đình Q và bà Hoàng Kiều X thì ông bà chỉ được khai thác mủ cao su khoảng từ 01 đến 02 tháng thì ông Nguyễn Anh D không cho khai thác nữa. Nay ông bà yêu cầu ông D trả lại cho ông bà quyền sử dụng diện tích 73.550m<sup>2</sup> đất nhận khoán thuộc Khoảnh 2 – Tiểu khu 223, tọa lạc ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Đất có số liệu, vị trí và hình thể như Mảnh trích đo địa chính số 70-2021 ngày 18/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L) và các tài sản trên phần đất trên gồm: 4.045 cây cao su (hầu hết đang cho thu hoạch, một số cây còn nhỏ, còi cọc chưa cho thu hoạch), 01 cây xà cừ có chu vi 250cm và 01 cây xoan có chu vi khoảng 40cm.

Đối với yêu cầu bồi thường thành quả thu hoạch trên đất: Ông bà nhận thấy không cần thiết nên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông bà rút toàn bộ yêu cầu này.

Ngoài ra, ông bà xác định trên phần đất trên còn có 01 bồn nước bằng sắt đã cũ, các vật dụng dùng để khai thác mủ cao su (chén sành, kiềng, máng, máng che mưa), ông bà cho rằng đây là tài sản của ông D.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – ông Nguyễn Anh D trình bày:* Ông P có khai thác mủ cao su trên phần đất trên khoảng 01 đến 02 tháng, lý do ông để cho ông P khai thác mủ cao su là vì muốn ông P và ông Q thỏa thuận lại với nhau vì ông Q, bà X ký hợp đồng bán tài sản trên là sai. Tài sản trên (quyền sử dụng đất và vườn cây cao su trên đất) mà ông Q bán cho ông P là tài sản chung của ông và ông Nguyễn Hoàng N (Sổ giao khoán đứng tên ông N nhưng ông có góp chung), đồng thời toàn bộ tài sản trên ông đã được ông Nguyễn Hoàng N ủy quyền quản lý, sử dụng và trông coi. Giữa ông với ông P, bà Đ không có mua bán gì với nhau, vì vậy ông P bà Đ có khởi kiện thì khởi kiện ông Q, bà X. Các giấy tờ có giá trị pháp lý để chứng minh tài sản trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu thuộc về ông và ông N thì ông đã nộp cho Tòa án trước khi Tòa án công khai chứng cứ. Ông xác định ông chỉ là người được ủy quyền, ông không đồng ý giao tài sản trên cho bất kỳ ai, ông sẽ bảo vệ quyền lợi cho mình và cho ông N đến cùng. Toàn bộ

cây cao su trên đất là do ông trồng và khai thác liên tục đến nay đã được 16 năm, việc ông có thiện chí chuộc lại tài sản là tình cảm anh em trong gia đình, còn tài sản trên không phải là của ông Nguyễn Đình Q nên ông Q không có quyền bán cho ông P.

*Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi, ích hợp pháp của bị đơn – ông Trần Hữu T trình bày:*

Tài sản tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán giữa ông Dương Minh P, bà Tống Thị Đ với ông Nguyễn Đình Q, bà Hoàng Kiều X. Vì vậy, đề nghị Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của ông D.

Ban quản lý rừng Phòng hộ T ban hành Thông báo thanh lý hợp đồng giao khoán là không đúng trình tự, thủ tục. Vì vậy, đề nghị Tòa án làm việc với Đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ T.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện L cưỡng chế và giao tài sản trước khi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành 02 quyết định sửa đổi, bổ sung bản án, đồng thời ông cũng Dũng không nhận được bất kỳ thủ tục thi hành án nào về việc thi hành bản án số 114/2018/DS-PT ngày 06/11/2018. Vì vậy, đề nghị Tòa án triệu tập Chấp hành viên để làm rõ.

Văn phòng công chứng Vi Văn Tiến đã công chứng hợp đồng mua bán tài sản gắn liền trên đất giữa ông Nguyễn Đình Q, bà Hoàng Kiều X với ông Dương Minh P, bà Tống Thị Đ. Vì vậy, đề nghị Tòa án triệu tập Công chứng viên để xác định trình tự, thủ tục công chứng hợp đồng.

*Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước quyết định:*

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Dương Minh P và bà Tống Thị Đ:

Buộc ông Nguyễn Anh D trả lại cho ông Dương Minh P, bà Tống Thị Đ quyền sử dụng đất diện tích 73.550m<sup>2</sup> (đất nhận khoán) thuộc Khoảnh 2 – Tiểu khu 223, tọa lạc ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Đất có số liệu, vị trí và hình thể như Mảnh trích đo địa chính số 70-2021 ngày 18/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L) và các tài sản trên đất gồm: 4.045 cây cao su (hầu hết đang cho thu hoạch, một số cây còn nhỏ, còi cọc chưa cho thu hoạch), 01 cây xà cừ có đường hoành 250cm và 01 cây xoan có đường hoành khoảng 40cm.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên về việc yêu cầu bồi thường thành quả thu hoạch.

3/ Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 02/2021/QĐ-ADBPKCTT ngày 24/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện L về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Buộc thực hiện hành vi nhất định”

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên. Ngày 24/5/2021, ông D kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét

xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Nguyễn Thanh H trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc Chi cục thi hành án dân sự huyện L giao tài sản cho ông Q diện tích 73.550m<sup>2</sup> tọa lạc tại tiểu khu 377 xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước là phù hợp. Tôi cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định như vậy là không chính xác, vì địa chỉ ghi trên quyết định cưỡng chế số 09 của Chi cục Thi hành án huyện L ghi tại ấp C. Như vậy quyết định thi hành án trên là có sai sót, sai sót này có thể không làm ảnh hưởng đến bản chất của việc Thi hành án, nhưng căn cứ vào việc sửa đổi, căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 37 Luật Thi hành án năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014, khi phát hiện sai sót người thi hành án không tự khắc phục sai khi có quyết định thi hành án thì phải hủy bỏ.

Vì vậy, việc cưỡng chế giao tài sản cho ông Q của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L là chưa đúng thủ tục, việc ông Q căn cứ vào biên bản bàn giao tài sản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L chuyển nhượng cho ông P, bà Đ là không đúng quy định của pháp luật. do đó nghị Tòa án phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông P, bà Đ buộc ông D phải trả lại đất, tài sản như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Kể từ thời điểm thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đến nay, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án Nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước, án phí phúc thẩm ông D phải chịu 300.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Anh D làm trong thời hạn luật định về hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 271, 272 BLTTDS, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Xét kháng cáo của ông Nguyễn Anh D thấy rằng:*

Ông Nguyễn Anh D cho rằng quyền sử dụng đất diện tích 73.550m<sup>2</sup> và tài sản cây trồng trên đất tại ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước là tài sản chung của ông với ông Nguyễn Xuân Nhi là không có cơ sở, bởi lẽ: Bản án dân sự phúc thẩm số 114/2018/DS-PT ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Phước đã xác định và phân chia tài sản trên cho ông Nguyễn Đình Q. Sau đó Chi cục Thi hành án dân sự huyện L đã bàn giao toàn bộ tài sản trên cho ông Nguyễn Đình Q. Hợp đồng giao khoán số 05/HĐK ngày 10/5/2004 được ký kết giữa Ban quản lý rừng phòng hộ T với ông Nguyễn Hoàng N đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/10/2019. Vì vậy, việc ông Nguyễn Hoàng N ký kết hợp đồng ủy quyền cho ông

Nguyễn Anh D quản lý, sử dụng và trông coi tài sản theo hợp đồng khoán số 05/HĐK ngày 10/5/2004 đã hết hiệu lực sau ngày 01/10/2019.

[3] Ngày 16/12/2019, sau khi được giao nhận khoán, vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, bà Hoàng Kiều X đã bán toàn bộ tài sản (Cây cao su) trên diện tích đất 73.550m<sup>2</sup> nhận giao khoán lại cho ông Dương Minh P, bà Tống Thị Đ và đến ngày 28 tháng 02 năm 2020, ông Dương Minh P được Ban quản lý rừng phòng hộ T giao khoán toàn bộ diện tích đất này theo hồ sơ giao khoán số 09/HĐ-GK ngày 28/02/2020. Như vậy ông P, bà Đ có quyền quản lý, sử dụng đất đã được nhận khoán cùng tài sản trên đất.

[4] Quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp tài sản chung gắn liền trên đất nhận giao khoán giữa nguyên đơn ông Nguyễn Đình Q với bị đơn ông Nguyễn Anh D (đã được giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 114/2018/DS-PT ngày 06 tháng 11 năm 2018), những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Nguyễn Hoàng N và ông Trần Ngọc Anh Sơn đều thừa nhận đã bán toàn bộ quyền nhận khoán cùng tài sản trên đất cho ông Nguyễn Anh D, đồng thời ông N và ông Sơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khi Tòa án giải quyết vụ án.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm ông D và Luật sư của ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho kháng cáo của mình.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Anh D không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án Nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

[7] Đối với các tài sản ông D, bà Đ xác nhận có trên đất gồm: 01 bồn nước bằng sắt đã cũ, các vật dụng dùng để khai thác mủ cao su (chén sành, kiềng, máng, máng che mưa) ông P, bà Đ cho rằng đây là tài sản của ông D, nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét tại chỗ các tài sản theo lời trình bày của ông P, bà Đ, tuy nhiên ông D không hợp tác và không cho thực hiện. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án ông D không có yêu cầu Tòa án xem xét đối với những tài sản trên. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm tách ra xem xét, giải quyết trong vụ án khác nếu có yêu cầu là có cơ sở.

[8] Ngày 24/02/2021, Tòa án Nhân dân huyện L áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-ADBPKCTT “Buộc thực hiện hành vi nhất định”. Tạm giao cho ông Dương Minh P, bà Tống Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích 73.550m<sup>2</sup> (đất nhận khoán) thuộc Khoảnh 2 – Tiểu khu 223, tọa lạc ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Đất có số liệu, vị trí và hình thể như Mảnh trích đo địa chính số 70-2021 ngày 18/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L) và Tạm giao cho ông Dương Minh P, bà Tống Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng, khai thác tài sản trên đất gồm: 4.045 cây cao su (hầu hết đang cho thu hoạch, một số cây còn nhỏ, còi cọc chưa cho thu hoạch), 01 cây xà cừ có đường hoành 250cm và 01 cây xoan có đường hoành khoảng 40cm. Xét thấy không có căn cứ hủy bỏ nên cần duy trì Quyết định này.

[9] Do giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên án phí và các chi phí tố tụng được giữ nguyên.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông D phải chịu.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[12] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Anh D; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án Nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ khoản 2 và khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244, Điều 147, Điều 157, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 158, Điều 189, Điều 221, Điều 223 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 136 của Luật Đất đai năm 2013;

- Điểm b khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 16 Luật Lâm nghiệp năm 2017

- Khoản 2 Điều 3, Điều 4 và Điều 9 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Minh P và bà Tống Thị Đ:

Buộc ông Nguyễn Anh D giao trả cho ông Dương Minh P, bà Tống Thị Đ diện tích 73.550m<sup>2</sup> (đất nhận khoán) thuộc Khoảnh 2 – Tiểu khu 223, Ban quản lý rừng phòng hộ T, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (Đất có số liệu, vị trí và hình thể như Mảnh trích đo địa chính số 70-2021 ngày 18/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L) và tài sản trên đất gồm: 4.045 cây cao su (hầu hết đang cho thu hoạch, một số cây còn nhỏ, còi cọc chưa cho thu hoạch), 01 cây xà cừ có chu vi 250cm và 01 cây xoan có chu vi khoảng 40cm.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 02/2021/QĐ-ADBPKCTT ngày 24/02/2021 của Tòa án Nhân dân huyện L về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Buộc thực hiện hành vi nhất định”.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Anh D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng)

Chi cục Thi hành án dân sự huyện L trả lại cho ông Dương Minh P và bà

Tổng Thị Đ số tiền 19.044.000 (Mười chín triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001306 ngày 14/10/2020.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Anh D hoàn trả cho ông Dương Minh P và bà Tổng Thị Đ tổng số tiền 5.487.406 (Năm triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng)

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Anh D phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh Dũng đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 019731 ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.***

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Ban Quản lý rừng phòng hộ T
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Viết Phong**

